HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2023/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày tháng năm 2023*

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ QUYẾT

Quy định tổ chức, hoạt động, mức hỗ trợ, định mức trang bị phương tiện và điều kiện đảm bảo cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2021 về hướng dẫn một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa

cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết quy định tổ chức, hoạt động, mức hỗ trợ, định mức trang bị phương tiện và điều kiện đảm bảo cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Nghị quyết Quy định tổ chức, hoạt động, mức hỗ trợ, định mức trang bị phương tiện và điều kiện đảm bảo cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tổ chức, hoạt động, mức hỗ trợ, định mức trang bị phương tiện và điều kiện đảm bảo cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng; lực lượng dân phòng ấp, khu phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Tổ chức lực lượng dân phòng

Đội dân phòng được thành lập ở các ấp, khu phố và tương đương (gọi chung là ấp, khu phố) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

- Các ấp, khu phố có diện tích rộng, dân cư đông được thành lập đội dân phòng có biên chế từ 21 người đến 30 người, trong đó có 01 đội trưởng, 02 đội phó. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm hướng dẫn các tiêu chí xác định ấp, khu phố có diện tích rộng, dân cư đông.

- Các ấp, khu phố khác được thành lập đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó có 01 đội trưởng và 01 đội phó.

- Đội dân phòng có thể được chia thành các tổ dân phòng; biên chế của tổ dân phòng từ 05 đến 09 người, trong đó có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng dân phòng

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của đội trưởng, đội phó đội dân phòng tại các phường, thị trấn:

- Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, các biện pháp phòng cháy và chữa cháy, kỹ năng cứu nạn cứu hộ, xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy và chữa cháy.

- Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp, giải pháp về phòng ngừa và tổ chức cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ hiện trường các vụ cháy, nổ.

- Thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn và khi được huy động.

b) Nhiệm vụ quyền hạn của đội trưởng, đội phó đội dân phòng tại các xã

- Thực hiện các nhiệm vụ của đội trưởng, đội phó đội dân phòng quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này.

- Thường trực và tham gia giải quyết các vụ việc có liên quan đến an ninh, trật tự ở xã theo chỉ đạo của Trưởng Công an xã.

- Tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu người bị nạn trong các vụ án, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, phòng chống lụt bão.

- Nắm tình hình an ninh, trật tự ở xã; phối hợp bảo vệ an ninh, trật tự các lễ, hội, hội nghị và phối hợp với lực lượng dân quân tuần tra bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã theo kế hoạch được duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc Trưởng Công an xã.

- Tham gia phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, ấp, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Bắt người phạm tội quả tang, đối tượng có lệnh truy nã và dẫn giải các đối tượng này về trụ sở, nơi làm việc của Công an xã.

- Tham gia cùng lực lượng Công an xã kiểm tra việc chấp hành quy định về đăng ký, quản lý cư trú khi có chỉ đạo của Trưởng Công an xã.

c) Đội viên đội dân phòng

- Thực hiện nhiệm vụ chữa cháy khi có cháy xảy ra; tham gia chữa cháy ở địa phương, cơ sở khác khi có yêu cầu.

- Thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn xảy ra trên địa bàn và khi được huy động.

5. Chế độ chính sách của lực lượng dân phòng

a) Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng

- Đội trưởng đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 20% lương tối thiểu vùng.

Đội trưởng đội dân phòng ở các xã được hỗ trợ tăng thêm 600.000 đồng/người/tháng[1].

---

[1] Tương ứng Đội trưởng Đội Dân phòng ở các phường, thị trấn được hưởng mức hỗ trợ lần lượt là 936.000đ/người/tháng (vùng 1), 832.000 đ/người/tháng (vùng 2), 728.000 đ/người/tháng (vùng 3); Đội trưởng

- Đội phó đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 18% lương tối thiểu vùng.

Đội phó đội dân phòng ở các xã được hỗ trợ tăng thêm 500.000 đồng/người/tháng[2].

b) Mức hỗ trợ cho đội viên đội dân phòng

Theo quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5 Điều 34 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, Điều 31 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

c) Ngoài chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều này, đội trưởng, đội phó và đội viên đội dân phòng khi tham gia phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở bị thương, bị chết, bị thiệt hại về tài sản được hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2021 về hướng dẫn một số chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy, thành viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định mức hỗ trợ cho người bị thương, chết, bị thiệt hại tài sản khi tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Trang bị trang phục, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân phòng.

a) Trang bị trang phục

Trang bị quần áo đồng phục vải màu xanh, loại vải kaki, áo may kiểu Bluzon, mũ mềm, giày bata xanh, trên tay trái có gắn lôgô bằng vải đỏ in chữ "Dân phòng" màu vàng (Riêng đội trưởng, đội phó có thêm chữ chức danh Đội trưởng, Đội phó trước chữ dân phòng).

Đội trưởng, đội phó đội dân phòng được cấp 01 bộ quần áo, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo mưa, 01 đôi giày bata/người/năm.

Đội viên đội dân phòng được cấp 01 bộ quần áo, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo mưa, 01 đôi giày bata/người/02 năm.

b) Cấp Giấy chứng nhận, bảng tên

- Mẫu Giấy chứng nhận, bảng tên do Công an tỉnh quy định.

- Công an các huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận, bảng tên theo mẫu quy định của Công an tỉnh.

Đội Dân phòng ở các xã được hưởng mức hỗ trợ lần lượt là 1.536.000đ/người/tháng (vùng 1), 1.432.000 đ/người/tháng (vùng 2), 1.328.000 đ/người/tháng (vùng 3).

[2] Tương ứng Phó Đội trưởng Đội Dân phòng ở các phường, thị trấn được hưởng mức hỗ trợ lần lượt là 842.400đ/người/tháng (vùng 1), 748.800 đ/người/tháng (vùng 2), 655.200 đ/người/tháng (vùng 3); Phó Đội trưởng Đội Dân phòng ở các xã được hưởng mức hỗ trợ lần lượt là 1.342.400đ/người/tháng (vùng 1), 1.248.800 đ/người/tháng (vùng 2), 1.155.200 đ/người/tháng (vùng 3).

c) Trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ cho lực lượng dân phòng

- Số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho 01 (một) đội dân phòng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

- Đối với lực lượng dân phòng đã được trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo định mức bằng hoặc cao hơn quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 thì tiếp tục sử dụng cho đến khi phương tiện hết niên hạn sử dụng hoặc bị hỏng phải thay thế; trường hợp chưa được trang bị hoặc đã được trang bị nhưng thấp hơn số lượng quy định thì thực hiện theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy.

- Việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho đội dân phòng được thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Lực lượng dân phòng có thể được trang bị thêm một số loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

d) Trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân phòng

Đội dân phòng được trang bị gậy cao su, đèn pin và các công cụ hỗ trợ khác phục vụ yêu cầu công tác đảm bảo an ninh trật tự.

đ) Nơi làm việc của đội dân phòng

Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí nơi làm việc phù hợp cho đội dân phòng, có trang bị những đồ dùng cần thiết.

7. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí chi trả mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng và kinh phí chi trả cho đội viên đội dân phòng quy định tại khoản 5 Điều này được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Kinh phí trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, công cụ hỗ trợ, đào tạo hoặc huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng dân phòng được bố trí từ ngân sách cấp huyện và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

c) Kinh phí bố trí nơi làm việc, trang thiết bị tại nơi làm việc được bảo đảm bằng nguồn ngân sách cấp xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X, Kỳ họp thứ .... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023.

Bãi bỏ Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về số lượng và chế độ chính sách cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Bãi bỏ Điều 2 Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo